

Bản án số: 02/2022/KDTM-PT

Ngày 20/01/2022

*“V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Hồng Ánh và ông Bùi Đức Thanh

Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Thảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Vũ Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2021/TLPT-KDTM ngày 30/11/2021 về việc: *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2021/KDTM-ST ngày 26/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** **Ngân hàng A (A)**; địa chỉ: số 2 đường LH, phường TC, quận BD, thành phố Hà Nội;

Người đại diện: ông **Nguyễn Đình K** – Chức vụ: Phó Giám đốc A - Chi nhánh thành phố CP, Quảng Ninh và bà **Bùi Thanh H** – Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh, A - Chi nhánh thành phố CP, Quảng Ninh; địa chỉ: số 20C, phố BT, phường CD, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh, là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số: 534UQ/NHNo.CP ngày 15/12/2021, có mặt.

2. ***Bị đơn:*** chị **Phạm Thị Bích Th**; địa chỉ: tổ 3 (tổ 33B cũ), khu HT A, phường CT, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện: chị **Phạm Thị Kim H1**; nơi ĐKKH: tổ 2, khu NT A, phường CT, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay: tổ 2 (tổ 25A cũ), khu TL 1, phường CT, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh, là người đại diện theo ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền ngày 01 tháng 4 năm 2021, có mặt.

3. ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Chị **Phạm Thị Kim H1**; nơi ĐKKH: tổ 2, khu NT A, phường CT, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay: tổ 2 (tổ 25A cũ), khu TL 1, phường CT, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- Anh **Phạm Ngọc H2**; địa chỉ: tổ 3 (tổ 33B cũ), khu HT A, phường CT, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện: chị **Phạm Thị Kim H1**; nơi ĐKKH: tổ 2, khu NT A, phường CT, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay: tổ 2 (tổ 25A cũ), khu TL 1, phường CT, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh, là người đại diện theo ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền ngày 01 tháng 4 năm 2021, có mặt.

4. *Người kháng cáo:* người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Kim H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/01/2021 và trong quá trình tố tụng, người đại diện của nguyên đơn A (viết tắt là Ngân hàng) trình bày:*

Căn cứ vào nhu cầu và điều kiện vay vốn để kinh doanh của chị Phạm Thị Bích Th, ngày 05/7/2011, Ngân hàng – Chi nhánh thành phố CP – phòng giao dịch CT và chị Th đã ký Hợp đồng tín dụng số: 01/HĐTD (viết tắt là Hợp đồng tín dụng), với một số điều khoản chính như sau: cho chị Th vay số tiền 2.000.000.000 đồng; mục đích vay: kinh doanh tổng hợp tạp hóa, tạp phẩm; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay đầu là ngày 05/7/2011; lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 21%/năm (trường hợp lãi suất cơ bản có thay đổi, sẽ thỏa thuận lại để điều chỉnh lãi suất vay); lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận.

Tài sản thế chấp bảo đảm khoản vay là: quyền sử dụng đất diện tích 44m² và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà cấp 3 tại thửa đất số 74, tờ bản đồ số 21; địa chỉ: tổ 25A (nay là tổ 2, khu TL 1), phường CT, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AP102064, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H402 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) CP, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 07/5/2009 mang tên người sử dụng đất Phạm Thị Kim H1, thể hiện tại Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba số: 01/HĐBL ngày 05/7/2011 giữa Ngân hàng - Chi nhánh thành phố CP - Phòng giao dịch CT (bên nhận thế chấp), chị Phạm Thị Kim H1 (bên thế chấp) và anh Phạm Ngọc H2 – chị Phạm Thị Bích Th (bên vay vốn) (viết tắt là Hợp đồng thế chấp) được Ủy ban nhân dân phường CT chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã (nay là thành phố) CP theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 05/7/2011, Ngân hàng – Chi nhánh thành phố CP – phòng giao dịch CT đã giải ngân cho chị Th vay đủ số tiền 2.000.000.000 đồng, thể hiện tại giấy nhận nợ ngày 05/7/2011. Từ sau khi vay vốn cho đến nay, chị Th mới trả được cho Ngân hàng số tiền lãi là 215.833.334 đồng, không trả được tiền nợ gốc, Hợp đồng tín dụng đã quá hạn. Ngày 30/6/2012, Ngân hàng - Chi nhánh thành phố CP – phòng giao dịch CT phê duyệt gia hạn nợ gốc, nợ lãi đối với Hợp đồng tín dụng đến ngày 05/7/2013. Đến ngày 06/7/2013, toàn bộ khoản nợ đã chuyển nợ xấu.

Tại phiên tòa, Ngân hàng có yêu cầu thay đổi tư cách tham gia tố tụng đối với anh Phạm Ngọc H2 từ bị đơn thành người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và yêu cầu anh H2 phải liên đới cùng chị Th trả nợ cho Ngân hàng khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng, cụ thể: Ngân hàng yêu Tòa án giải quyết buộc chị Th và anh H2 phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày

26/7/2021 là: 4.873.568.492 đồng, trong đó: nợ gốc là 2.000.000.000 đồng; nợ lãi là 2.873.568.492 đồng (bao gồm: lãi trong hạn là 2.093.308.219 đồng và lãi quá hạn là 780.260.274 đồng); phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế chị Th và anh H2 trả hết nợ gốc cho Ngân hàng; kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu chị Th và anh H2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ các khoản tiền nêu trên, Ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm theo các thoả thuận tại Hợp đồng thế chấp và/hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng; trường hợp xử lý tài sản bảo đảm không thu đủ nợ cho Ngân hàng thì chị Th và anh H2 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

** Trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của: nguyên đơn chị Phạm Thị Bích Th, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Ngọc H2 và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Kim H1, trình bày: thừa nhận việc chị Th ký Hợp đồng tín dụng, chị Hoa và anh H2 có ký Hợp đồng thế chấp bảo đảm cho chị Th vay số tiền 2.000.000.000 đồng với Ngân hàng - Chi nhánh thành phố CP – phòng giao dịch CT như Ngân hàng trình bày là đúng. Tuy nhiên do điều kiện của chị Th kinh doanh gặp nhiều khó khăn, chị Hoa cũng không có tiền để trả nợ thay chị Th và anh H2 nên chị Hoa mong muốn Ngân hàng cho chị Hoa được trả nợ gốc, xin được miễn tiền lãi để bạn của chị Hoa có thể mua lại nhà đất của chị Hoa và chị Hoa xin bạn cho ở nhờ nhà vì hiện tại chị Hoa không có chỗ ở nào khác.*

** Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Ngọc H2 trình bày: chị Th vay 2.000.000.000 đồng của Ngân hàng - Chi nhánh thành phố CP – phòng giao dịch CT là để kinh doanh, lợi nhuận phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Anh biết chị Th vay tiền và anh có trực tiếp ký Hợp đồng thế chấp với Ngân hàng - Chi nhánh thành phố CP – phòng giao dịch CT cùng chị Th và chị Hoa.*

Với nội dung trên, tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2021/KDTM-ST ngày 26/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số: 01/2021/QĐ-SCBSBA ngày 01/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273; khoản 1 Điều 157; Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 357; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 471; Điều 474; Điều 476; Điều 318; Điều 342 và Điều 355 Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng. Điều 7; Điều 8; Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A (A) đối với chị Phạm Thị Bích Th.

2. Về nghĩa vụ trả nợ: buộc chị Phạm Thị Bích Th và anh Phạm Ngọc H2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng A (A) một lần toàn bộ số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số: 01/HĐTD ngày 05/7/2011, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (26/7/2021) là: 4.873.568.492 đồng (Bốn tỷ tám trăm bảy mươi ba triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi hai đồng), trong đó: nợ gốc là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng); nợ lãi là 2.873.568.492 đồng (Hai tỷ tám trăm bảy mươi ba triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi hai đồng) (bao gồm lãi trong hạn là 2.093.308.219 đồng (Hai tỷ không trăm chín mươi ba triệu ba trăm linh tám nghìn hai trăm mười chín đồng); lãi quá hạn là 780.260.274 đồng (Bảy trăm tám mươi triệu hai trăm sáu mươi nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng)).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/7/2021), chị Th và anh H2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo Hợp đồng tín dụng số: 01/HĐTD ký kết ngày 05/7/2011 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng A cho vay thì lãi suất mà chị Th và anh H2 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng A cho vay.

4. Kể từ ngày Ngân hàng A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Th và anh H2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ tại Hợp đồng tín dụng số: 01/HĐTD thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay theo Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba số: 01/HĐBL ngày 05/7/2011. Tài sản thế chấp là: quyền sử dụng đất 44m² và ngôi nhà cấp 3 tại thửa đất số 74, tờ bản đồ số 21, tại tổ 25 A, phường CT (nay là tổ 2, khu TL 1, phường CT), thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AP102064, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H402 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) CP, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 07/5/2009 cho chủ sở hữu là Phạm Thị Kim H1. Trường hợp số tiền thu hồi từ việc xử lý tài sản đảm bảo vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng A thì chị Th và anh H2 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

5. Về án phí: chị Phạm Thị Bích Th phải chịu 112.873.568 đồng (Một trăm mười hai triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, về quyền kháng cáo và quyền thi hành án theo quy định.

- Ngày 13/8/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Kim H1 kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị xem xét rõ lại phân trách nhiệm của từng người để chị Hoa có điều kiện thực hiện trách nhiệm của mình.

- Ngày 06/9/2021, anh Phạm Ngọc H2 kháng cáo đề nghị Tòa án xem xét lại, anh H2 không phải chịu trách nhiệm về khoản vay này.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Kim H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Kim H1 trình bày nội dung kháng cáo, căn cứ của việc kháng cáo: sau khi tôi biết Hợp đồng tín dụng của chị Th hết thời hạn, tôi đã đến Ngân hàng đề nghị bán nhà để trả phần nợ gốc theo đúng trách nhiệm của tôi nhưng Ngân hàng không hợp tác và để kéo dài cho đến nay. Hợp đồng tín dụng chỉ có thời hạn 1 năm, hết thời hạn Ngân hàng không kết thúc hợp đồng theo đúng thời hạn để kéo dài thời gian để tính lãi quá hạn nên phần lãi từ năm thứ hai là không có trong hợp đồng. Vì vậy, bản án sơ thẩm xác định chị Th và anh H2 phải chịu trách nhiệm đối với số tiền lãi này là không thỏa đáng. Tôi đề nghị, Hội đồng xét xử xem xét rõ lại phần trách nhiệm của từng người để tôi có điều kiện thực hiện trách nhiệm của mình.

- Người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng, ông Nguyễn Đình K trình bày ý kiến về nội dung kháng cáo: Ngân hàng không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Kim H1. Chị Hoa trình bày đã đến Ngân hàng đề nghị bán nhà để trả phần nợ gốc theo đúng trách nhiệm nhưng Ngân hàng không hợp tác và để kéo dài là không đúng. Về nghĩa vụ bảo đảm chỉ phát sinh khi người vay không trả được nợ, căn cứ Điều 2 Hợp đồng thế chấp, thì chị Hoa tự nguyện dùng tài sản thế chấp cho nghĩa vụ trả nợ của bên vay vốn đối với bên cho vay (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan – nếu có). Nghĩa vụ của bên vay chị Phạm Thị Bích Th được quy định tại mục 6.2 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng là trả nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận trong hợp đồng này; theo Điều 9 của Hợp đồng tín dụng quy định: Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký và được thanh lý khi bên vay hoàn trả xong cả gốc và lãi hoặc... Như vậy chị Hoa phải có trách nhiệm bảo đảm đối với toàn bộ khoản vay (cả gốc và lãi).

- Các đương sự, Kiểm sát viên đều không xuất trình bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: phân tích các tình tiết của vụ án và đưa ra căn cứ cho thấy Tòa án nhân dân thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh đã quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Kim H1 không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Kim H1, làm trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm. Đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Ngọc H2 quá hạn, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã có Quyết định số: 02/2021/QĐ-PT ngày 05/11/2021 không chấp nhận kháng cáo quá hạn của anh Phạm Ngọc H2.

[2] Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Kim H1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với Hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng - Chi nhánh thành phố CP - Phòng giao dịch CT với chị Phạm Thị Bích Th và Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng - Chi nhánh thành phố CP - Phòng giao dịch CT (bên nhận thế chấp), chị Phạm Thị Kim H1 (bên thế chấp) và anh Phạm Ngọc H2 – chị Phạm Thị Bích Th (bên vay vốn), là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005; Luật các Tổ chức tín dụng; quy chế, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng A. Các hợp đồng trên đã phát sinh hiệu lực pháp luật; Ngân hàng đã giải ngân cho chị Th đủ số tiền vay; quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, chị Th mới trả được 215.833.334 đồng tiền lãi, chưa trả nợ gốc. Do điều kiện kinh doanh của chị Th gặp khó khăn nên ngày 30/6/2012, chị Th có đơn đề nghị gia hạn nợ gốc, nợ lãi. Ngân hàng đã phê duyệt gia hạn khoản vay của chị Th đến ngày 05/7/2013. Do trong khoảng thời hạn gia hạn nợ, chị Th tiếp tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 06/7/2013, toàn bộ khoản vay của chị Th đã chuyển nợ xấu. Ngân hàng đã trực tiếp làm việc với chị Th, chị Hoa nhiều lần đề đơn đốc việc trả nợ nhưng chị Th và anh H2 không thực hiện việc trả nợ và chị Hoa không tự nguyện bàn giao hoặc tự xử lý tài sản bảo đảm để trả nợ thay cho chị Th và anh H2.

Về số tiền chị Th và anh H2 còn nợ theo Hợp đồng tín dụng (tính đến ngày 26/7/2021) là: 4.873.568.492 đồng, trong đó: nợ gốc là 2.000.000.000 đồng; nợ lãi là 2.873.568.492 đồng (lãi trong hạn là 2.093.308.219 đồng, lãi quá hạn là 780.260.274 đồng). Xét thấy, nợ gốc chị Th chưa trả được nên Ngân hàng yêu cầu trả toàn bộ nợ gốc là đúng quy định pháp luật; về nợ lãi, theo thỏa thuận về mức lãi suất tại Hợp đồng tín dụng là đúng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng; về lãi quá hạn = 150% lãi suất trong hạn. Như vậy, số nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn trên cơ sở nợ gốc được tính phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ trả nợ: chị Th và anh H2 là vợ chồng hợp pháp, có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể, với ngành nghề kinh doanh: kinh doanh tổng hợp, tạp hóa, tạp phẩm; anh H2 biết chị Th vay khoản tiền 2.000.000.000 đồng của Ngân hàng với mục đích kinh doanh của hộ gia đình, lợi nhuận trong kinh doanh phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình. Ngoài ra, anh H2 còn tham gia ký Hợp đồng thế chấp với tư cách bên vay vốn cùng chị Th do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị Phạm Thị Bích Th và anh Phạm Ngọc H2 phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là có cơ sở theo quy định tại Điều 27; Điều 37 Luật

Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: như đã phân tích nêu trên, chị Hoa đã tự nguyện thế chấp tài sản của mình để bảo đảm cho khoản vay của chị Th thể hiện tại Hợp đồng thế chấp; chị Hoa cũng không tự nguyện bàn giao hoặc tự xử lý tài sản bảo đảm để trả nợ thay cho chị Th và anh H2. Đến nay, chị Th và anh H2 vẫn không trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của chị Hoa để thu hồi nợ là phù hợp với quy định tại Điều 355 Bộ luật Dân sự năm 2005 và thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng thế chấp; theo Điều 2 của Hợp đồng thế chấp, phạm vi bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng.

Sau khi hết thời hạn vay theo Hợp đồng tín dụng (kể cả thời gian xin gia hạn), chị Th và anh H2 vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với chị Th và chị Hoa về việc giải quyết nợ quá hạn của chị Th, tại các buổi làm việc với Ngân hàng: chị Th đều xin gia hạn trả nợ hoặc hứa bán tài sản bảo đảm của chị Hoa hoặc đề tìm chị Hoa bàn bạc giải quyết, chị Hoa thì chỉ đề nghị được miễn giảm lãi để thu xếp bán tài sản thế chấp để trả nợ hoặc đề nghị Ngân hàng cho tự bán với thời gian dài hơn để có thể bán với giá hợp lý bảo đảm đủ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng hoặc xin thời hạn 03 tháng kể từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/12/2017 để có thời gian thu xếp tìm mọi nguồn thu hoặc tự bán tài sản trả nợ Ngân hàng. Nếu quá thời hạn trên... sẽ tự nguyện giao tài sản cho Ngân hàng (bút lục 14, 38 đến 46). Vì vậy, chị Hoa cho rằng chị Hoa đã đến Ngân hàng đề nghị bán tài sản thế chấp để trả phần gốc nhưng phía Ngân hàng không hợp tác và kéo dài thời gian đến nay là không có căn cứ. Ngoài ra, chị Hoa còn cho rằng: hợp đồng tín dụng chỉ có thời hạn 1 năm, hết thời hạn, Ngân hàng không kết thúc hợp đồng theo đúng thời hạn để kéo dài thời gian để tính lãi quá hạn nên phần lãi từ năm thứ hai không có trong hợp đồng. Như đã phân tích nêu trên, sau khi hết thời hạn vay theo Hợp đồng tín dụng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với chị Th và chị Hoa để giải quyết nợ quá hạn của chị Th nhưng do chị Th và chị Hoa khát và xin thời gian để trả nợ, để tự bán tài sản trả nợ nên Ngân hàng đã tạo điều kiện theo đề nghị của chị Th và chị Hoa.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng là có căn cứ, do đó không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Kim H1.

[3] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Kim H1 không được chấp nhận, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Kim H1 phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

[4] Nhầm lẫn của Tòa án cấp sơ thẩm: tại phần quyết định của bản án sơ thẩm về án phí, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên: “chị Phạm Thị Bích Th phải chịu... án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật” là không đúng. Hội đồng xét xử sửa lại

thành: “chị Phạm Thị Bích Th phải chịu... án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm”.
Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Kim H1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 01/2021/KDTM-ST ngày 26/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ: khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 157; Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 357; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 471; Điều 474; Điều 476; Điều 318; Điều 342 và Điều 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng. Khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A (A) đối với chị Phạm Thị Bích Th.

[2] Buộc chị Phạm Thị Bích Th và anh Phạm Ngọc H2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng A (A) số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/7/2021) là: 4.873.568.492 đồng (*Bốn tỷ, tám trăm bảy mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi hai đồng*), trong đó: nợ gốc là 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*); nợ lãi là 2.873.568.492 đồng (*Hai tỷ, tám trăm bảy mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm chín hai đồng*), bao gồm: lãi trong hạn là 2.093.308.219 đồng (*Hai tỷ, không trăm chín mươi ba triệu, ba trăm linh tám nghìn, hai trăm mười chín đồng*); lãi quá hạn là 780.260.274 đồng (*Bảy trăm tám mươi triệu, hai trăm sáu mươi nghìn, hai trăm bảy tư đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, buộc chị Phạm Thị Bích Th và anh Phạm Ngọc H2 còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 01/HĐTD ngày 05/7/2011, cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng A.

[3] Kể từ ngày Ngân hàng A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Phạm Thị Bích Th và anh Phạm Ngọc H2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay theo Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba số: 01/HĐBL ngày 05/7/2011. Tài sản thế chấp là: quyền sử dụng đất diện tích 44m² và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà cấp 3 tại thửa đất số 74, tờ bản đồ số 21; địa chỉ: tổ 2 (tổ 25A cũ), khu TL 1, phường CT, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AP102064, sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ H402 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) CP,

tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 07/5/2009 mang tên người sử dụng đất bà Phạm Thị Kim H1.

Trường hợp số tiền thu hồi từ việc xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng A thì chị Phạm Thị Bích Th và anh Phạm Ngọc H2 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ.

[4] Về chi phí tố tụng: buộc chị Phạm Thị Bích Th có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày Ngân hàng A có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền 5.000.000 đồng, cho đến khi thi hành án xong, chị Phạm Thị Bích Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[5] Về án phí:

Buộc chị Phạm Thị Bích Th phải chịu 112.873.568 đồng (*Một trăm mười hai triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng A (A) 56.366.500 đồng (*Năm mươi sáu triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005702 ngày 24/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh.

Buộc chị Phạm Thị Kim H1 phải chịu 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005975 ngày 09/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh. Chị Hoa còn phải nộp 1.700.000 đồng (*Một triệu, bảy trăm nghìn đồng*) án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Ánh Bùi Đức Thanh

Nguyễn Thúy Hằng

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thành phố CP;
- Chi cục THADS thành phố CP;
- Lưu VP; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Hằng